

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 143, 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013; Các Điều 609, 610, 612, 620, Khoản 1 Điều 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23/01/2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-DSST ngày 15/02/2022 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ba Đỗ Thị T, Sinh năm 1958.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, quận H, tp Hà Nội.

- **Bị đơn**: Ông Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thao H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số E L, phường C, quận H, tp Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

+ Bà Hoàng Thị H1, Sinh năm 1972.

+ Anh Đỗ Thanh T3, sinh năm 1995.

+ Anh Đỗ Ngọc L, sinh năm 1999.

+ Anh Đỗ Đăng K, sinh năm 1988.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

+ Bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Đỗ Đăng V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Lê Thị Y, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Đỗ Thị N1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

+ Chị Đỗ Thị H3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn L, thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Đỗ Đăng T5, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

+ Chị Đỗ Thị Thúy H4, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

+ Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

+ Anh Đỗ Đăng N2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Chùa D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

+ Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn A, Thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Trí Thị P (Nguyễn Thị P1), sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã H, huyện T, tp Hà Nội.

Quê quán, nơi thường trú: xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Đỗ Đăng T6, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Đỗ Thị T7, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A, cụm B, phường Đ, quận N, tp Hải Phòng.

+ Bà Đỗ Thị H7, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- *Người đại diện theo ủy quyền của:* Bà Đỗ Thị T4, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Đăng V, bà Đỗ Thị L2, anh Đỗ Đăng K, chị Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị Đ, chị Đỗ Thị Thúy H4, chị Nguyễn Thị G, anh Đỗ Đăng N2, ông Đỗ Đăng T6, bà Đỗ Thị D, bà Đỗ Thị T7, bà Đỗ Thị H7 là: Bà Đỗ Thị T - Đồng thời là nguyên đơn trong vụ án.

- *Người đại diện theo ủy quyền của:* Chị Đỗ Thị N1, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị H3, anh Đỗ Đăng T5 là: Bà Hoàng Thị H1 - Đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người đại diện theo ủy quyền của:* Chị Nguyễn Thị H5, chị Trí Thị P (Nguyễn Thị P1) là anh Nguyễn Văn H6 - Đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ Đỗ Đăng N3 (sinh năm 1922, chết ngày 28/01/2022) và cụ Đỗ Thị B (sinh năm 1924, chết năm 2001) để lại là 200m² đất ở, 325m² đất vườn thời hạn sử dụng lâu dài và 72m² đất vườn có thời hạn, thuộc thửa đất số 5 tờ bản đồ số 13 diện tích 669m² tại Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số phát hành là T999497, số vào sổ cấp GCN là 01905 QSDĐ/H2001 ngày 23/10/2001, do UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp cho hộ bà Đỗ Thị B. Diện tích 72m² đất vườn có thời hạn còn lại thuộc thửa đất trên là diện tích đất nông nghiệp giao theo Nghị quyết 03 (đã được trừ vào tiêu chuẩn đất nông nghiệp chia ở ngoài đồng) thuộc quyền sử dụng của bà Hoàng Thị H1. Các công trình trên đất, việc duy tu, tôn tạo di sản thừa kế đều do ông T2 và bà H1 làm và xây dựng. Anh L và anh T3 không có bất kỳ công sức gì

đối với toàn bộ khối tài sản này. Kết quả đo đạc phần diện tích sử dụng hiện trạng theo GCN có diện tích 688,8m². Đã được UBND xã Đ xác nhận là do sai số khi đo đạc. Diện tích 688,8m² đất có giá trị là: 5.000.000đ/1m² x 688,8m² = 3.084.000.000đ (Ba tỷ không trăm tám mươi tư triệu đồng).

2.2. Về diện và hàng thừa kế:

* Các đương sự đều thống nhất xác định:

Cụ Đỗ Đăng N3 (chết ngày 28/01/2022), chung sống thực tế với hai cụ bà đều từ trước năm 1986 và đều không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Cụ thứ nhất là cụ Đỗ Thị D1 (chết năm 2007), cụ thứ hai là Đỗ Thị B (chết năm 2001).

- *Cụ N3 và cụ D1 có 7 người con chung:*

1/ Ông Đỗ Đăng T8 (chết năm 1997). Ông T8 có 5 người con là: Đỗ Đăng K1, Đỗ Thị T4, Đỗ Thị L1, Đỗ Đăng V, Đỗ Thị L2.

Đỗ Đăng K1 (chết năm 2004), có 02 người con là Đỗ Đăng K và Đỗ Thị N.

2/ Bà Đỗ Thị Đ.

3/ Ông Đỗ Đăng V1 (chết năm 2023). Ông V1 và vợ cả là bà Đỗ Thị D2 (chết năm 2008) có 04 người con chung là: Chị Đỗ Thị N1, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị H3, anh Đỗ Đăng T5. Vợ hai của ông V1 là bà Lê Thị Y, ông V1 và bà Y không có con chung.

4/ Ông Đỗ Đăng Đ1 (chết năm 1989). Ông Đ1 có 03 người con là: Đỗ Thị Thúy H4, Nguyễn Thị G, Đỗ Đăng N2.

5/ Bà Nguyễn Thị D3 (Đỗ Thị D4 - chết năm 2014). Có 03 người con: Nguyễn Thị H5, Trí Thị P (Nguyễn Thị P1), Nguyễn Văn H6.

6/ Ông Đỗ Đăng T6.

7/ Bà Đỗ Thị D.

- *Cụ N3 và cụ B có 04 người con chung:* Bà Đỗ Thị T7, bà Đỗ Thị H7, bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc T2.

Ngoài ra các cụ/ông/bà không còn con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

- *Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm:* Bà Đỗ Thị T7, bà Đỗ Thị H7, bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc T2.

- *Hàng thừa kế thứ nhất của cụ N3 gồm:*

1/ Ông Đỗ Đăng T8 (chết năm 1997) - chết trước thời điểm mở thừa kế nên các con ông T8 được xác định là thừa kế thế vị, gồm: Ông Đỗ Đăng K1, bà Đỗ Thị T4, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Đăng V, bà Đỗ Thị L2. (Trong đó, ông Đỗ Đăng K1 đã chết

năm 2003 - chết trước thời điểm mở thừa kế nên các con ông K1 được xác định là thừa kế thế vị gồm: Anh Đỗ Đăng K và chị Đỗ Thị N).

2/ Bà Đỗ Thị Đ.

3/ Ông Đỗ Đăng V1 (chết năm 2023), nên hàng thừa kế thứ nhất của ông V1 là: Bà Lê Thị Y, chị Đỗ Thị N1, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị H3, anh Đỗ Đăng T5.

4/ Ông Đỗ Đăng Đ1 (chết năm 1989) - chết trước thời điểm mở thừa kế nên các con ông Đ1 được xác định là thừa kế thế vị gồm: Chị Đỗ Thị Thúy H4, chị Nguyễn Thị G, anh Đỗ Đăng N2.

5/ Bà Nguyễn Thị D3 (Đỗ Thị D4 - chết năm 2014) - chết trước thời điểm mở thừa kế nên các con của bà D4 là thừa kế thế vị gồm: Chị Nguyễn Thị H5, chị Trí Thị P (Nguyễn Thị P1), anh Nguyễn Văn H6.

6/ Ông Đỗ Đăng T6.

7/ Bà Đỗ Thị D.

8/ Bà Đỗ Thị T7.

9/ Bà Đỗ Thị H7.

10/ Bà Đỗ Thị T.

11/ Ông Đỗ Ngọc T2.

Bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn H6 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H5, chị Trí Thị P (Nguyễn Thị P1), đều có quan điểm và văn bản từ chối nhận kỷ phần thừa kế và từ chối tham gia tố tụng.

Bà Đỗ Thị T4, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Đăng V, bà Đỗ Thị L2, anh Đỗ Đăng K, chị Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị Đ, chị Đỗ Thị Thúy H4, chị Nguyễn Thị G, anh Đỗ Đăng N2, ông Đỗ Đăng T6, bà Đỗ Thị D, bà Đỗ Thị T7, bà Đỗ Thị H7 đều có quan điểm: Đối với phần di sản được hưởng thì xin tặng cho lại toàn bộ cho nguyên đơn là bà Đỗ Thị T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Bà T có trách nhiệm nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến kỷ phần mà bà được hưởng. Đồng thời đều có văn bản ủy quyền cho bà Đỗ Thị T toàn quyền tham gia tố tụng, quyết định những vấn đề liên quan; thỏa thuận với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết vụ án.

Chị Đỗ Thị N1, chị Đỗ Thị H2, chị Đỗ Thị H3, anh Đỗ Đăng T5 đều có quan điểm: Đối với phần di sản được hưởng thì xin tặng lại toàn bộ cho bị đơn là ông Đỗ Ngọc T2 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Ông T2 có trách nhiệm nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến kỷ phần mà ông được hưởng. Đồng thời đều có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị H1 toàn quyền tham gia tố tụng, quyết định những vấn đề liên quan;

thỏa thuận với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết vụ án.

- Đối với Diện tích 72m² đất vườn có thời hạn thuộc thửa đất số 5 tờ bản đồ số 13 là tiêu chuẩn đất nông nghiệp giao theo Nghị quyết 03 thuộc quyền sử dụng của bà Hoàng Thị H1: Bà H1 tặng cho toàn bộ cho bị đơn là ông Đỗ Ngọc T2 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Ông T2 có trách nhiệm nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với các công trình trên đất, việc duy tu, tôn tạo di sản thừa kế do ông T2 và bà H1 làm và xây dựng: Các đương sự đều có quan điểm tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về việc chia di sản thừa kế:

Cụ N3 và cụ B không có di chúc nên các đồng thừa kế thống nhất thỏa thuận với nhau về việc phân chia di sản như sau:

Ông Đỗ Ngọc T2 được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với toàn bộ Thửa đất số 5 tờ bản đồ số 13 có diện tích thực tế sử dụng là 688,8m² tại Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số phát hành là T999497, số vào sổ cấp GCN là 01905 QSDĐ/H2001 ngày 23/10/2001, do UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp cho hộ bà Đỗ Thị B (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Đỗ Ngọc T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là giá trị kỷ phần mà bà T được hưởng từ di sản của cụ N3 và cụ B. Ông T2 đã thanh toán đủ số tiền này cho bà T tại Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu vào ngày 23/01/2025.

Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

2.4. Về án phí:

- Ông Đỗ Ngọc T2 tự nguyện chịu án phí đối với giá trị phần tài sản mà bà H1 tặng cho là 72m² đất vườn có thời hạn, tương ứng với: $5.000.000đ \times 72m^2 = (360.000.000đ \times 5\%) : 2 = 9.000.000đ$ (Chín triệu đồng).

- Bà T có Đơn đề nghị tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy bà T phải chịu án phí tương ứng đối với phần di sản được hưởng có giá trị 1.000.000.000đ là: $[36.000.000đ + (3\% \times 200.000.000đ)] : 2 = 21.000.000đ$ (Hai mươi một triệu đồng).

- Ông T2 tự nguyện chịu án phí tương ứng đối với phần di sản được hưởng có giá trị 2.084.000.000đ là: $[72.000.000đ + (2\% \times 84.000.000đ)] : 2 = 36.840.000đ$ (Ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Trung